

Số: 106/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế Quản lý vốn của
Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP tại các doanh nghiệp khác

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 1- CÔNG TY CP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn thi hành; Điều lệ của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP; Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0100104274 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 19/8/2014;
- Xét Tờ trình số: 077/TCT-TCCB-LĐ ngày 22/01/2015 của Tổng giám đốc Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP;
- Căn cứ kết quả xin ý kiến của Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty;
- Căn cứ nhu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của của Tổng công ty,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý vốn của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP tại các doanh nghiệp khác.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các ông: Thành viên Hội đồng quản trị; Ban Tổng giám đốc; Trưởng các phòng ban Cơ quan Tổng công ty; Chủ tịch HĐQT và Giám đốc các công ty con; Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- BKS TCT;
- ĐU, CĐ TCT;
- Lưu VP, HĐQT, QHCB, TCCB-LĐ TCT.



Phạm Dũng



QUY CHẾ
QUẢN LÝ VỐN CỦA TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
GIAO THÔNG 1- CÔNG TY CP TẠI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 106/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 03 năm 2015)

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Căn cứ pháp lý

1. Luật Doanh nghiệp số: 60/2005/QH 11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.
2. Nghị định số: 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của chính phủ: Ban hành quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác.
3. Thông tư số: 21/2014/TT-BTC ngày 14/02/2014 của Bộ Tài chính về việc Ban hành quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.
4. Điều lệ của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP số 0100104274 do Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 2 ngày 19/8/2014.
5. Quyết định số: 0390/2014/QĐ- HĐQT ngày 30/06/2014 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP.

Điều 2: Giải thích từ ngữ:

- “*Tổng công ty*” là Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP.
- “*Doanh nghiệp khác*” là doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty, hoạt động theo Luật doanh nghiệp.
- “*Doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty*” là các doanh nghiệp thuộc Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 và hoạt động theo mô hình DNNN thời điểm trước khi CPH hoặc chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên.
- “*Vốn của Tổng công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác*” là vốn do Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP đầu tư vào doanh nghiệp khác.
- “*Người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty tại doanh nghiệp khác*” là người được Tổng công ty ủy quyền làm đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp đó, để thực hiện một phần hoặc toàn bộ quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại doanh nghiệp khác, bao gồm:
 - Người đại diện là người làm việc chuyên trách tại doanh nghiệp

- Người đại diện là cán bộ lãnh đạo hoặc chuyên viên đang làm việc tại Tổng công ty.

Điều 3: Đối tượng và phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định việc quản lý vốn của Tổng công ty ở các doanh nghiệp khác được thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp có sự tham gia góp vốn của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP

Đối tượng áp dụng gồm:

- Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP đầu tư vào các doanh nghiệp.
- Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác.
- Các tổ chức, các cá nhân có liên quan đến hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác.

Điều 4: Vốn của Tổng công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác gồm:

- Toàn bộ phần vốn Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP tại các doanh nghiệp khác là các công ty con, công ty liên kết tính đến ngày 06/06/2014 do công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 làm đại diện chủ sở hữu.
- Vốn bằng tiền, giá trị quyền sử dụng đất hoặc thuê đất, giá trị những tài sản khác của Tổng công ty được đầu tư hoặc góp vốn vào doanh nghiệp khác. (bao gồm góp bằng giá trị thương hiệu của Tổng công ty).
- Vốn do Tổng công ty đầu tư vào các doanh nghiệp thành lập mới.
- Lợi tức và các khoản được chia khác trên phần vốn góp của Tổng công ty được sử dụng để tái đầu tư tại các doanh nghiệp này.
- Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II QUẢN LÝ VỐN CỦA TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 5: Chủ sở hữu vốn tại doanh nghiệp khác.

1. Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty CP là chủ sở hữu vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, thực hiện quản lý vốn đầu tư theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty và phù với với Luật Doanh nghiệp.

2. Tổng công ty thực hiện quản lý vốn tại doanh nghiệp khác thông qua việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông hoặc người góp vốn và việc cử Người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp đó.

Trường hợp Tổng công ty không cử Người đại diện phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty phải chịu trách nhiệm thực

hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp đó.

3. Tổng công ty là chủ sở hữu phần vốn góp của Tổng công ty đối với:

- Vốn đầu tư ở Công ty TNHH một thành viên được chuyển đổi từ doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty hoặc do Tổng công ty thành lập mới.
- Vốn ở Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa các doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty hoặc do Tổng công ty thành lập mới.
- Vốn góp ở Liên doanh được hình thành trên cơ sở doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty góp vốn vào Liên doanh hoặc do Tổng công ty góp vốn vào Liên doanh.
- Vốn do Tổng công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác (bao gồm vốn góp bằng giá trị thương hiệu của Tổng công ty).

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty - Chủ sở hữu vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác

1. Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật, điều lệ của Tổng công ty và Điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty;
2. Cử người đại diện phần vốn hoặc người đại diện theo ủy quyền để thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn bên liên doanh theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
3. Cử, bãi, miễn, khen thưởng, kỷ luật người đại diện phần vốn hoặc người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp khác; Quyết định tiền lương, phụ cấp tiền lương, tiền thưởng và các chế độ đãi ngộ đối với người đại diện (Trừ trường hợp người đại diện đã hưởng lương từ doanh nghiệp khác).
4. Yêu cầu người đại diện vốn tại các doanh nghiệp báo cáo định kỳ: Quý, 6 tháng, 1 năm hoặc đột xuất về tình hình kết quả kinh doanh, tài chính của doanh nghiệp.
5. Giao nhiệm vụ và chỉ đạo người đại diện bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty trong doanh nghiệp khác; Yêu cầu người đại diện báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người đại diện, nhất là trong việc định hướng doanh nghiệp có cổ phần vốn góp chi phối của Tổng công ty thực hiện các mục tiêu chiến lược của Tổng công ty.
6. Kiểm tra, giám sát hoạt động của người đại diện, phát hiện những thiếu sót, yếu kém của người đại diện để ngăn chặn, chấn chỉnh kịp thời.
7. Quyết định việc đầu tư tăng, giảm vốn hoặc thu hồi vốn của Tổng công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác phù hợp với pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp.
8. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác.
9. Giám sát việc thu hồi vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, việc chia lợi tức từ doanh nghiệp khác.
10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III
TIÊU CHUẨN, CHẾ ĐỘ HOẠT ĐỘNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN,
NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA
NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỚI TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 7: Tiêu chuẩn và điều kiện đối với người đại diện

1. Là cán bộ lãnh đạo hoặc chuyên viên có đủ năng lực đảm nhận công việc của Người đại diện vốn, đang làm việc tại Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP, được Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt.
2. Có trình độ chuyên môn bậc đại học trở lên về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp. Đối với người trực tiếp quản lý phần vốn tại liên doanh với nước ngoài, Người quản lý vốn phải có trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài trong liên doanh không cần phiên dịch.
3. Người đại diện tham gia vào Hội đồng quản trị, được cử làm Giám đốc của doanh nghiệp khác phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có phẩm chất đạo đức tốt, có đủ sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ.
5. Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành luật pháp.
6. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Số lượng Người đại diện và nội dung văn bản ủy quyền đối với người đại diện

1. Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định về số lượng, thành phần, cơ cấu Người đại diện tại doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, phù hợp với Điều lệ của doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm cụ thể của từng doanh nghiệp có phần vốn góp của Tổng công ty theo các căn cứ sau:
 - a) Quy mô vốn điều lệ của doanh nghiệp;
 - b) Tỷ lệ phần vốn góp của Tổng công ty đầu tư tại doanh nghiệp;
 - c) Ngành nghề kinh doanh và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
 - d) Chiến lược và mục tiêu phát triển doanh nghiệp;
 - e) Các quy định khác của pháp luật.

Trường hợp ủy quyền cho từ 02 (hai) Người đại diện trở lên thì Hội đồng quản trị Tổng công ty xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu ủy quyền cho mỗi Người đại diện và giao cho một người đại diện chịu trách nhiệm phụ trách chung (gọi tắt là Người đại diện phụ trách chung).

2. Việc ủy quyền của Tổng công ty cho Người đại diện được thực hiện bằng quyết định của HĐQT Tổng công ty.
3. Thời hạn ủy quyền cho Người đại diện:
 - a) Thời hạn ủy quyền cho Người đại diện được tính theo nhiệm kỳ Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị của doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty.
 - b) Trường hợp có sự thay đổi Người đại diện trong nhiệm kỳ Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị thì thời hạn ủy quyền Người đại diện là thời gian còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị đó.

Điều 9: Chế độ hoạt động của Người đại diện

1. Người đại diện làm việc theo chế độ:
 - a) Chuyên trách trong ban quản lý, điều hành tại doanh nghiệp (Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc/Ban Giám đốc).
 - b) Kiêm nhiệm trong Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị của doanh nghiệp.
 - c) Một người đại diện quản lý vốn làm đại diện ở không quá 03 doanh nghiệp.
2. Người đại diện đã được Tổng công ty ủy quyền thì không được giao, ủy quyền lại cho người khác đại diện thay mình biểu quyết, quyết định các nội dung đã được Tổng công ty ủy quyền, cho ý kiến.

Điều 10: Nhiệm vụ của Người đại diện

1. Thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn do Hội đồng quản trị Tổng công ty giao:
 - 1.1. Người đại diện tại doanh nghiệp là công ty con của Tổng công ty (Tổng công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ) phải xin ý kiến HĐQT Tổng công ty bằng văn bản để tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại cuộc họp Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp khác (nếu có) đối với những nội dung sau:
 - a) Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp;
 - b) Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;
 - c) Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - d) Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát. Đề cử đề bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó giám đốc doanh nghiệp;

- e) Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của doanh nghiệp;
- f) Chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết;
- g) Chủ trương mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp; chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp;
- h) Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hằng năm;
- i) Chế độ tuyển dụng; chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.

1.2. Người đại diện tại doanh nghiệp là công ty liên kết của Tổng công ty (Tổng công ty nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ) được tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp khác (nếu có) đối với những nội dung sau:

- a) Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp;
- b) Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;
- c) Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- d) Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát; đề cử đề bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó giám đốc doanh nghiệp;
- e) Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của doanh nghiệp;
- f) Chủ trương thành lập công ty con; thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện;
- g) Chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của doanh nghiệp.
- h) Báo cáo tài chính hằng năm, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hằng năm của doanh nghiệp.

Đối với những nội dung có khả năng dẫn đến làm thay đổi lợi ích của Tổng công ty như: làm giảm phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp hoặc làm giảm tỷ lệ vốn Tổng công ty tại doanh nghiệp và các lợi ích khác của Tổng công ty tại doanh nghiệp (nếu có) thì Người đại diện phải xin ý kiến HĐQT Tổng công ty (bằng văn bản) trước khi có ý kiến, biểu quyết, quyết định.

2. Trách nhiệm báo cáo của Người đại diện

a) Các hình thức báo cáo

– Báo cáo định kỳ (hàng Quý, năm): trên cơ sở báo cáo tài chính và báo cáo khác của doanh nghiệp, định kỳ (Quý, năm), Người đại diện ở các doanh nghiệp là công ty con của Tổng công ty có trách nhiệm tổng hợp và phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp (theo Mẫu số 01 đính kèm Quy chế này).

Người đại diện ở các doanh nghiệp là công ty liên kết của Tổng công ty có trách nhiệm tổng hợp và phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp định kỳ 6 tháng, năm (theo Mẫu số 02 đính kèm Quy chế này). Tổng công ty có thể căn cứ tỷ lệ vốn góp trên vốn điều lệ của doanh nghiệp và các điều kiện đặc thù của doanh nghiệp để quy định cụ thể các chỉ tiêu Người đại diện phải báo cáo.

Thời hạn Người đại diện gửi báo cáo đầy đủ cho HĐQT Tổng công ty là trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của doanh nghiệp. Người đại diện phải có trách nhiệm đôn đốc, yêu cầu doanh nghiệp thực hiện chế độ báo cáo theo nội dung và thời hạn được quy định ở quy chế này.

– Báo cáo theo yêu cầu đột xuất:

Căn cứ mục đích quản lý của Tổng công ty ở các doanh nghiệp, Tổng công ty có thể yêu cầu Người đại diện cung cấp các thông tin cần thiết khác có liên quan tới tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Người đại diện có trách nhiệm báo cáo đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Tổng công ty

– Báo cáo bất thường:

Người đại diện có trách nhiệm, nghĩa vụ báo cáo đầy đủ, kịp thời tới HĐQT Tổng công ty những thông tin bất thường có ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hoặc ảnh hưởng tới lợi ích của doanh nghiệp, của Tổng công ty trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày Người đại diện có được các thông tin bất thường của doanh nghiệp như: tài khoản của doanh nghiệp tại ngân hàng bị phong tỏa; doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh; bị thu hồi Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; có quyết định khởi tố đối với Ban quản lý điều hành doanh nghiệp, Kế toán trưởng của doanh nghiệp; có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp; có kết luận kiểm tra, thanh tra của cơ quan thuế, cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nhà nước và các tranh chấp về tài sản, vốn, đất đai, lao động, các nội dung bất thường khác (nếu có).

b) Phương thức báo cáo

- Người đại diện có trách nhiệm báo cáo về HĐQT Tổng công ty bằng văn bản và chịu trách nhiệm trước HĐQT Tổng công ty về nội dung đã báo cáo.
- Các văn bản xin ý kiến Tổng công ty của Người đại diện (theo Mẫu số 03 đính kèm Quy chế này) phải gửi về HĐQT Tổng công ty với thời hạn ít nhất trước 10 ngày làm việc (theo dấu công văn đến) để Tổng công ty có ý kiến (trừ trường hợp đã ghi rõ thời hạn).

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày họp [Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp khác (nếu có)], Người đại diện phải gửi Biên bản cuộc họp và các tài liệu liên quan khác đến Tổng công ty (Mẫu số 04 đính kèm Quy chế này).

Trường hợp khẩn cấp cần xin ý kiến ngay thì Người đại diện phải báo cáo nhanh tới Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng giám đốc Tổng công ty bằng trực tiếp hoặc qua các phương tiện thông tin (điện thoại, fax, email) để xin ý kiến chỉ đạo. Sau đó Người đại diện phải gửi văn bản chính thức cho Tổng công ty về các vấn đề đã xin ý kiến và kết quả giải quyết các vụ việc trên.

- Đối với các thông tin, tài liệu mật, việc cung cấp thông tin giữa Người đại diện với Tổng công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11: Quyền hạn của Người đại diện

1. Được Tổng công ty xem xét chỉ định tham gia Hội đồng thành viên hoặc đề cử để tham gia Hội đồng quản trị của Doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của doanh nghiệp, các văn bản pháp luật khác có liên quan.
2. Được Tổng công ty ủy quyền tham gia ý kiến và biểu quyết tại cuộc họp theo số cổ phần (mức vốn) được ủy quyền đại diện. Đối với các nội dung phải xin ý kiến Tổng công ty thì sau khi có ý kiến chấp thuận chủ sở hữu Người đại diện phải tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định theo đúng ý kiến chỉ đạo bằng văn bản của Tổng công ty. Trường hợp có nội dung phát sinh thêm chưa xin được ý kiến chỉ đạo thì đề nghị cuộc họp cho biểu quyết, quyết định sau.
3. Người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác là thành viên chuyên trách trong bộ máy lãnh đạo quản lý, điều hành của doanh nghiệp được hưởng lương hoặc phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định tại Điều lệ doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp đó chi trả.
4. Người đại diện là thành viên kiêm nhiệm không tham gia chuyên trách trong Bộ máy quản lý, điều hành doanh nghiệp khác thì tiền lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định do Tổng công ty chi trả trực tiếp.
5. Người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác khi được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi theo quyết định của Công ty cổ phần (trừ trường hợp được mua theo quyền của cổ đông hiện hữu) thì phải báo cáo bằng văn bản cho Tổng công ty. Tổng công ty quyết định bằng văn bản số lượng cổ phần người đại diện được mua theo mức độ đóng góp và kết quả thực

hiện nhiệm vụ của người đại diện. Phần còn lại thuộc quyền mua của Tổng công ty.

6. Trường hợp người đại diện được cử làm đại diện phần vốn tại nhiều đơn vị, thì được ưu tiên lựa chọn thực hiện quyền mua tại 01 đơn vị. Người đại diện phần vốn tại Công ty cổ phần có trách nhiệm chuyển phần quyền mua cổ phần còn lại cho chủ sở hữu vốn.

7. Trường hợp người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác không báo cáo về việc được quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi tại Công ty cổ phần thì bị xem xét miễn nhiệm tư cách đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác và phải chuyển nhượng lại cho chủ sở hữu vốn số cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi chênh lệch vượt quá mức được mua theo quy định trên theo giá được mua tại thời điểm phát hành. Trường hợp người đại diện phần vốn tại doanh nghiệp khác đã bán cổ phiếu này thì phải nộp lại cho chủ sở hữu vốn phần chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu theo giá thị trường tại thời điểm bán với giá mua và chi phí (nếu có).

8. Được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, cập nhật thông tin do Tổng công ty tổ chức.

9. Các quyền khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của doanh nghiệp theo ủy quyền.

Điều 12: Nghĩa vụ Người đại diện

1. Người đại diện tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ của doanh nghiệp do mình làm Người đại diện; Điều lệ và các quy chế nội bộ các quy định của Tổng công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, các quyền, trách nhiệm của mình.

2. Thường xuyên theo dõi, thu thập thông tin về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh; giám sát tình hình tài chính; gửi các báo cáo định kỳ (quý, năm), báo cáo bất thường và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Tổng công ty và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Báo cáo kịp thời, đề xuất những giải pháp với Tổng công ty về tình hình doanh nghiệp hoạt động thua lỗ; không đảm bảo khả năng thanh toán; đầu tư không đúng mục tiêu chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do Chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

4. Kết thúc năm tài chính, Người đại diện có trách nhiệm yêu cầu doanh nghiệp chuyển toàn bộ cổ tức Tổng công ty được hưởng theo quy định vào tài khoản của Tổng công ty hoặc nhận tiền mặt nộp vào quỹ của Tổng công ty trong trường hợp doanh nghiệp chi trả cổ tức bằng tiền mặt.

5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13: Mối quan hệ giữa Người đại diện và Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP

1. Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP là chủ sở hữu phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có trách nhiệm:

- a) Chỉ định hoặc cử Người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế nội bộ của Tổng công ty.
 - b) Miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện; quyết định tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm (nếu có) và các lợi ích khác của Người đại diện; đánh giá đối với Người đại diện.
 - c) Yêu cầu Người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
 - d) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Người đại diện, phát hiện những thiếu sót, yếu kém của Người đại diện để ngăn chặn, xử lý và chấn chỉnh kịp thời.
 - e) Giao nhiệm vụ và chỉ đạo Người đại diện bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Tổng công ty tại doanh nghiệp. Yêu cầu Người đại diện báo cáo (quý, năm) việc thực hiện nhiệm vụ được giao, quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ của Người đại diện.
 - f) Có trách nhiệm ban hành Quy chế đánh giá Người đại diện theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ trên cơ sở đó quyết định việc trả lương, thù lao, tiền thưởng, lợi ích khác (nếu có) cho Người đại diện; quy định bằng văn bản về sự phân công, phối hợp giữa những người đại diện (trường hợp có từ hai Người đại diện trở lên) tại doanh nghiệp.
 - g) Có ý kiến chỉ đạo kịp thời bằng văn bản khi Người đại diện xin ý kiến trong thời hạn 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận theo dấu công văn đến hoặc nhận thông báo qua các phương tiện thông tin: điện thoại, fax, email) hoặc thời hạn khác theo yêu cầu để Người đại diện biết và thực hiện. Trường hợp tài liệu không đủ, không có cơ sở để tham gia ý kiến thì trong vòng ba (03) ngày làm việc (kể từ khi nhận được tài liệu, nhận được thông báo qua các phương tiện thông tin), Tổng công ty phải có văn bản để Người đại diện biết và bổ sung hoàn chỉnh tài liệu, thông tin.
 - h) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.
2. Người đại diện có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ – quyền hạn – nghĩa vụ được quy định ở Điều 10, Điều 11, Điều 12 của quy chế này và các nội dung sau đây:
- a) Tháng 01 hàng năm, xây dựng chương trình kế hoạch công tác năm báo cáo Tổng công ty.
Trong đó, đối với những doanh nghiệp là công ty con của Tổng công ty Người đại diện phải đề xuất kế hoạch, phương hướng, biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp do mình làm Người đại diện trình HĐQT Tổng công ty phê duyệt nhằm hướng doanh nghiệp thực hiện các mục tiêu, chiến lược của Tổng công ty.
 - b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý và 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm, Người đại diện phải gửi báo cáo về Tổng công ty đánh giá tình hình và nội dung hoạt động của Người đại diện.

Điều 14: Mọi quan hệ giữa Người đại diện và doanh nghiệp có phần vốn góp của Tổng công ty

1. Doanh nghiệp có phần vốn góp của Tổng công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các Hồ sơ tài liệu, thông tin liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, về việc đầu tư, tình hình tài chính, những nội dung khác (nếu có) cho Người đại diện khi được yêu cầu theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và quy chế nội bộ của Tổng công ty và của doanh nghiệp.
2. Người đại diện khi gửi báo cáo cho Tổng công ty và các cơ quan quản lý nhà nước thì đồng thời gửi báo cáo đó cho doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có ý kiến khác với nội dung báo cáo, đánh giá nhận xét của Người đại diện thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Người đại diện, doanh nghiệp phải có văn bản báo cáo Tổng công ty để được xem xét.
3. Người đại diện tại doanh nghiệp là công ty con của Tổng công ty trước khi gửi báo cáo cho Tổng công ty phải lấy ý kiến của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có ý kiến khác với nội dung báo cáo, đánh giá nhận xét của Người đại diện thì doanh nghiệp trực tiếp bàn bạc, giải thích các nội dung khác đó với Người đại diện để có sự đồng thuận trong báo cáo đánh giá, nhận xét. Sau khi bàn bạc nếu còn ý kiến khác nhau thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 15: Mọi quan hệ giữa các Người đại diện

1. Người đại diện chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả công việc được Tổng công ty giao, đồng thời cùng với các Người đại diện khác chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động chung của các Người đại diện (trường hợp doanh nghiệp có từ 02 người đại diện trở lên).
2. Người đại diện được Tổng công ty giao là Người đại diện phụ trách chung chịu trách nhiệm tổng hợp các ý kiến tham gia, các số liệu của các Người đại diện vào các báo cáo, chương trình kế hoạch công tác để báo cáo Tổng công ty, bao gồm cả chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động chung của các Người đại diện (trong trường hợp doanh nghiệp có từ 02 người đại diện trở lên).

Điều 16: Chấm dứt ủy quyền Người đại diện

Hội đồng quản trị Tổng công ty ra quyết định chấm dứt ủy quyền Người đại diện trong các trường hợp sau:

1. Không còn đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn Người đại diện theo quy định tại Quy chế này;
2. Không tuân thủ và thực hiện đúng các chỉ đạo của Tổng công ty.
3. Không thực hiện các nghĩa vụ Người đại diện, gây ảnh hưởng đến uy tín, hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty tại doanh nghiệp.

4. Vi phạm Điều lệ doanh nghiệp, quyết định vượt thẩm quyền, không đúng thẩm quyền gây thiệt hại, ảnh hưởng tới doanh nghiệp và quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Tổng công ty.
5. Mất tín nhiệm với Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị và/hoặc đa số cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp;
6. Không trung thực, lợi dụng vai trò Người đại diện để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; Báo cáo không trung thực tình hình của doanh nghiệp, làm ảnh hưởng đến lợi ích của Tổng công ty;
7. Theo yêu cầu hoặc đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
8. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Tổng công ty.

Điều 17: Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ - Khen thưởng và xử lý vi phạm đối với Người đại diện

1. Hàng năm (hoặc khi có trường hợp đột xuất) Tổng công ty căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, quyết định hình thức khen thưởng hoặc xử lý kỷ luật đối với Người đại diện ở mỗi doanh nghiệp.
2. Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, quyết định hình thức khen thưởng hoặc xử lý kỷ luật đối với Người đại diện sẽ được thực hiện theo quy chế: “ Quy chế đánh giá đối với Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác” do Tổng công ty ban hành.

CHƯƠNG IV

NHIỆM VỤ CỦA CÁC PHÒNG BAN CƠ QUAN TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 18: Phòng Quan hệ cổ đông Tổng công ty

Phòng quan hệ cổ đông chịu trách nhiệm tham mưu cho Tổng công ty toàn bộ các công việc liên quan đến công tác Phòng quan hệ cổ đông đầu tư của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác, cụ thể thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Được Tổng công ty ủy quyền trực tiếp làm việc với Người đại diện và lãnh đạo doanh nghiệp khác để nắm bắt về tình hình SXKD, về vốn và các vấn đề khác có liên quan đến sự phát triển, bảo toàn vốn của Tổng công ty ở các doanh nghiệp.
2. Phối hợp và yêu cầu Người đại diện thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ của công tác quản lý vốn, các chủ trương, nghị quyết của HĐQT Tổng công ty liên quan đến vốn góp đầu tư vào doanh nghiệp khác, đồng thời yêu cầu Người đại diện thực hiện chế độ báo cáo theo quy định. Các báo cáo của Người đại diện và các doanh nghiệp khác phải được tổng hợp, phân tích và báo cáo Lãnh đạo Tổng công ty.
3. Phối hợp với phòng Tài chính kế toán để theo dõi tổng hợp tình hình tăng, giảm nguồn vốn góp đầu tư vào doanh nghiệp khác hàng năm; Tổng hợp lợi tức,

cổ tức (đã thu, chưa thu được hàng năm); Phối hợp với Người đại diện đơn đốc các doanh nghiệp hoàn trả cổ tức và các quyền lợi khác (nếu có).

4. Chủ động phối hợp với các phòng ban liên quan để đề xuất, tham mưu cho Tổng giám đốc, HĐQT Tổng công ty về chủ trương, biện pháp quản lý vốn, quản lý cổ tức; tăng, giảm vốn điều lệ, thoái vốn và các xử lý khác về vốn góp của Tổng công ty ở các doanh nghiệp.

5. Chủ động phối hợp với phòng TCCB-LĐ đề xuất việc cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật đối với Người đại diện và Người đại diện phụ trách chung ở các doanh nghiệp.

6. Theo dõi cập nhật các chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước, các văn bản pháp quy ban hành mới có liên quan tới công tác Phòng quan hệ cổ đông của Tổng công ty ở các doanh nghiệp báo cáo HĐQT Tổng công ty để áp dụng vào công tác quản lý điều hành của Tổng công ty.

7. Hàng năm, khi kết thúc năm tài chính SXKD của doanh nghiệp khác, phòng có nhiệm vụ tổng hợp, báo cáo đánh giá tổng hợp tình hình SXKD, tình hình tài chính của các doanh nghiệp và đề xuất tổ chức hội nghị “Tổng kết công tác quản lý vốn” nhằm đánh giá công tác Phòng quan hệ cổ đông đầu tư của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác, chia sẻ kinh nghiệm trong công tác quản lý và giám sát vốn đầu tư.

Điều 19: Phòng Tài chính kế toán

1. Theo dõi, cập nhật, tổng hợp số liệu tăng, giảm các nguồn vốn góp đầu tư của Tổng công ty vào các doanh nghiệp khác. Theo dõi việc nộp cổ tức; Phối hợp với phòng Quan hệ cổ đông và Người đại diện đơn đốc và có giải pháp để các doanh nghiệp nộp cổ tức đúng thời hạn.

2. Phối hợp với các phòng liên quan (Phòng quan hệ cổ đông, Phòng TCCB–LĐ) để đề xuất, tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty ban hành các quy chế, các quyết định liên quan tới việc đầu tư góp vốn và Phòng quan hệ cổ đông góp của Tổng công ty vào các doanh nghiệp khác.

Điều 20: Phòng Tổ chức cán bộ - Lao động

1. Phối hợp với các phòng, ban tham mưu cho Tổng giám đốc, HĐQT Tổng công ty chủ trương, biện pháp quản lý vốn.

2. Chủ trì việc đề xuất cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật đối với Người đại diện. Đề xuất việc cử Người đại diện phụ trách chung ở những doanh nghiệp có trên 02 Người đại diện.

3. Theo dõi các chủ trương chính sách pháp luật của nhà nước ban hành mới để tham mưu cho HĐQT chính sửa, xây dựng, ban hành các quy chế, quy định của Tổng công ty về công tác Phòng quan hệ cổ đông ở các doanh nghiệp.

Điều 21: Các phòng, ban liên quan khác (Kế hoạch, Thị trường, Đầu tư phát triển, Kỹ thuật vật tư thiết bị, Văn phòng).

1. Phối hợp với các phòng chức năng để đề xuất, tham mưu cho lãnh đạo Tổng công ty ban hành các quy chế, các quyết định liên quan tới việc đầu tư góp vốn và Phòng quan hệ cổ đông góp của Tổng công ty và các doanh nghiệp khác.
2. Có trách nhiệm cung cấp tài liệu, số liệu liên quan đến vốn, tài sản, tình hình SXKD của Tổng công ty và các doanh nghiệp liên quan, đồng thời góp ý kiến (khi có yêu cầu) về chủ trương, biện pháp đối với công tác Phòng quan hệ cổ đông các doanh nghiệp.

Điều 22: Đối với các doanh nghiệp khác

1. Các doanh nghiệp khác có vốn góp của Tổng công ty phải thực hiện nghĩa vụ của mình đối với Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Quy chế này.
2. Tạo điều kiện để Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao.
3. Kết thúc năm tài chính, có nghĩa vụ nộp về Tổng công ty (chuyển khoản hoặc tiền mặt) toàn bộ số cổ tức Tổng công ty được hưởng theo quy định.
4. Tạo điều kiện để Lãnh đạo phòng Phòng quan hệ cổ đông và các phòng ban nghiệp vụ của Tổng công ty làm việc với Lãnh đạo doanh nghiệp và cơ quan nghiệp vụ của mình về các nội dung liên quan đến vốn góp, cổ phần của Tổng công ty cũng như công tác cán bộ (Người đại diện quản lý vốn).

**CHƯƠNG V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 23:

Quy chế này có hiệu lực từ ngày được HĐQT Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1- Công ty CP ký ban hành và thay thế “Quy chế quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp khác của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1” đã được ban hành tại Quyết định số: 0033/QC/HĐQT ngày 13/01/2010 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1.

Điều 24:

Thành viên HĐQT, Ban TGD, các phòng nghiệp vụ, Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác, các tổ chức và cá nhân có liên quan tới hoạt động của Người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty ở các doanh nghiệp có nghĩa vụ thực hiện quy chế này.

Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị gửi về Tổng công ty (phòng Quan hệ cổ đông) để tổng hợp trình Hội đồng quản trị quyết định sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐQT;
- BKS, Ban TGD;
- ĐU, CĐ, ĐTN TCT;
- Các phòng ban TCT;
- Người đại diện phần vốn tại các DN;
- Lưu VP, TCCB-LĐ, QHCD, HĐQT TCT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Dũng



Mẫu số 01

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU QUÝ - NĂM.....

A. Một số thông tin về doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Giấy đăng ký kinh doanh: Ngày cấp: Nơi cấp:
4. Ngành nghề kinh doanh chính được phê duyệt:
5. Số Điện thoại: FAX:
6. Vốn điều lệ: triệu đồng
Trong đó: Vốn góp của Tổng công ty: triệu đồng
7. Vốn Chủ sở hữu hiện có đến cuối quý: triệu đồng

B. Một số chỉ tiêu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT		
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT		
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT		
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi			
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT		
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT		
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT		
1. Tài sản cố định	220-BCĐKT		
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT		
- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT		
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230-BCĐKT		
2. Bất động sản đầu tư	240-BCĐKT		
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT		
Trong đó: - Đầu tư vào công ty con	251-BCĐKT		
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259-BCĐKT		
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT		
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT		
Trong đó: Nợ quá hạn			
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT		
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT		
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT		
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411-BCĐKT		
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
V. Kết quả kinh doanh			
1. Tổng doanh thu			
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10-BCKQKD		
- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD		
- Thu nhập khác	31-BCKQKD		
2. Tổng chi phí			
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50-BCKQKD		



4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60-BCKQKD		
II. Chỉ tiêu khác			
1. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách Trong đó: các loại thuế			
2. Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)			
3. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)			
4. Tổng Quỹ lương			
5. Số lao động bình quân			
6. Tiền lương bình quân người/năm			

C. Phân tích đánh giá và kiến nghị các nội dung sau:

1. Tình hình và kết quả kinh doanh: tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch: Sản lượng, doanh thu, lợi nhuận ...những yếu tố thuận lợi và khó khăn .

2. Tình hình và kết quả triển khai các dự án đầu tư (kế hoạch đầu tư, khối lượng thực hiện, tình hình và khả năng thanh toán vốn đầu tư...); tình hình đầu tư tài chính dài hạn.....

3. Việc quản lý nợ phải thu, nợ phải trả, nguyên nhân và giải pháp xử lý các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ phải trả quá hạn.

4. Tình hình quản lý sử dụng và bảo toàn vốn góp của chủ sở hữu.

5. Tình hình thực hiện các khoản thu như: thu từ bán cổ phần khi cổ phần hoá, thu từ bán tiếp cổ phần nhà nước, thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia....

6. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước.

7. Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị , Hội đồng thành viên, tình hình thực hiện nhiệm vụ được Chủ sở hữu phần vốn Tổng công ty giao

8. Các nội dung khác.....

Kiến nghị:

D. Lưu ý về tình hình tài chính của Doanh nghiệp (nếu có) :

Các tài liệu kèm theo:

- Báo cáo tài chính quý/ năm
- Nghị quyết ĐHĐCĐ (thường niên/ bất thường)
- Các tài liệu liên quan khác

Người đại diện
(Ký, ghi rõ họ tên)





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP
6 THÁNG , NĂM 20...

1. Tên doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Giấy đăng ký kinh doanh: Ngày cấp: Nơi cấp:
4. Ngành nghề kinh doanh chính được phê duyệt:
5. Số Điện thoại: FAX:
6. Vốn điều lệ: triệu đồng
Trong đó: Vốn góp của Tổng công ty XDCTGT1: triệu đồng
7. Vốn Chủ sở hữu hiện có đến cuối quý II/năm: triệu đồng

1. Tóm tắt hoạt động của Doanh nghiệp 6 tháng, Năm

- a) Tình hình kết quả sản xuất kinh doanh (Tổng Doanh thu và thu nhập, Lãi (Lỗ), Số đã nộp ngân sách)
- b) Tình hình quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Tổng công ty ở doanh nghiệp.
- c) Tình hình thực hiện các dự án đầu tư : đầu tư TSCĐ, đầu tư tài chính (ngắn hạn, dài hạn).
- d) Tình hình nợ phải thu trong đó nợ phải thu khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi.
- đ) Tình hình và khả năng thanh toán nợ (tổng số nợ vay, số phải trả nợ trong quý, cân đối nguồn trả nợ, thừa (thiếu) nguồn trả nợ).
- e) Việc thực hiện các công việc được Chủ sở hữu phần vốn giao, việc thực hiện các nội dung theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp, biểu quyết.
- g) Những nội dung khác (nếu có)
- h) Những khó khăn vướng mắc.

.....

2. Lưu ý về tình hình tài chính của Doanh nghiệp (nếu có) :

3. Đánh giá và kiến nghị:

- Các tài liệu kèm theo:*
- Báo cáo tài chính (6 tháng, năm)
 - Nghị quyết ĐHĐCĐ (thường niên/ bất thường)
 - Các tài liệu liên quan khác

Người đại diện
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03

**VĂN BẢN XIN Ý KIẾN VỀ NỘI DUNG HỢP
HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**



Kính gửi: Hội đồng quản trị Tổng công ty XDCTGT1- Công ty CP

Họ và tên Người đại diện được ủy quyền:

Tên doanh nghiệp:

Chức danh Người đại diện (nếu có):

Với tư cách là người được Tổng công ty XDCTGT1 – Công ty CP ủy quyền đại diện phần vốn Tổng công ty tại, Tôi (chúng tôi) sẽ tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị/ Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên của ngày tháng năm

Tôi (chúng tôi) xin báo cáo vấn đề sau:

1. Đánh giá chung về tình hình hoạt động của doanh nghiệp (trong quý....., năm) :.....

2. Những nội dung cần xin ý kiến:

Căn cứ theo Quy chế hoạt động Người đại diện:.....

Đề nghị Tổng công ty cho ý kiến đề tôi (chúng tôi) tham gia ý kiến, quyết định, biểu quyết đối với các vấn đề sau:

STT	Nội dung vấn đề	Ý kiến của Người đại diện	Lý do
1			
2			

* Nếu giữa các Người đại diện có ý kiến khác phải ghi đầy đủ ý kiến của từng người (trường hợp có từ 02 Người đại diện trở lên).

Tài liệu đính kèm

- Chương trình cuộc họp
- Các tài liệu liên quan nếu có

Ngày tháng năm

Người đại diện

(ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04



**BÁO CÁO KẾT QUẢ XIN Ý KIẾN
(HOẶC KẾT QUẢ HỌP, BIỂU QUYẾT)**

Kính gửi: Hội đồng quản trị Tổng công ty XDCTGT1- Công ty CP

Họ và tên Người đại diện được ủy quyền:

Tên doanh nghiệp:

Chức danh Người đại diện (nếu có):

Ngày tháng năm

Người đại diện đã xin ý kiến HĐQT Tổng công ty và HĐQT Tổng công ty đã có ý kiến trả lời tại văn bản.....

Ngàycuộc họp về việc.....
đã diễn ra, tóm tắt kết quả cuộc họp và báo cáo cụ thể:

STT	Nội dung vấn đề	Ý kiến chỉ đạo của Chủ sở hữu	Ý kiến của Người đại diện đã tham gia, biểu quyết, quyết định	Ý kiến cuối cùng tại cuộc họp	Ghi chú

Tài liệu đính kèm:

- Biên bản cuộc họp.
- Các tài liệu liên quan (nếu có)

Ngày tháng năm

Người đại diện

(ký, ghi rõ họ tên)